

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTP-KTVB&QLXLVPHC
V/v ý kiến trả lời của Bộ Tư pháp đối với kết quả
rà soát VBQPPL liên quan đến lĩnh vực pháp luật
về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL,
tổ chức thi hành VBQPPL và XLVPHC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ: Bộ Công thương; Bộ Công an;
- Sở Tư pháp các địa phương: Hải Phòng; Đắk Lắk;
Hưng Yên; Thanh Hóa; Hà Tĩnh; Quảng Ngãi; Đồng
Nai; Lào Cai; Lạng Sơn; Nghệ An; Điện Biên; Cà Mau;
Tuyên Quang.

Bộ Tư pháp nhận được kết quả rà soát, phản ánh khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Bộ Tư pháp (bao gồm: lĩnh vực pháp luật về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và xử lý vi phạm hành chính), Bộ Tư pháp đã rà soát và có ý kiến trả lời cụ thể các kiến nghị như sau:

1. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng

Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng phản ánh, kiến nghị:

1.1. Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bởi khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020) và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc nộp tiền phạt nhiều lần phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bởi khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020). Tuy nhiên, trong quá trình thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì đối tượng vi phạm vẫn nộp tiền phạt nhiều lần tại đơn vị/Ngân hàng có thẩm quyền thu tiền phạt mà không cần quy định phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Dẫn đến trong quá trình cưỡng chế, số tiền phải cưỡng chế là số tiền đối tượng còn thiếu, không phải số tiền phạt ghi tại Quyết định xử phạt.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đây là vướng mắc do việc thực thi pháp luật chưa đúng. Do vậy, đề nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các

quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bảo đảm chính xác, tuân thủ pháp luật. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị có liên quan cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện và thu tiền phạt nhiều lần.

1.2. Một số khái niệm cần làm rõ để thống nhất trong quá trình áp dụng:
 (i) “phát hiện hành vi vi phạm” tại điểm b, c khoản 1 Điều 6; (ii) “Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn” tại điểm l khoản 1 Điều 10; (iii) “đặc biệt nghiêm trọng” tại điểm c khoản 1 Điều 66; (iv) “có tình trốn tránh, trì hoãn” theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

- Đối với kiến nghị làm rõ “*phát hiện vi hành vi vi phạm*”: Đây là cụm từ mang tính tổng hợp, phản ánh việc cơ quan, người có thẩm quyền hoặc người thi hành công vụ tiếp nhận, tiếp cận thông tin, chứng cứ về hành vi vi phạm hành chính thông qua nhiều phương thức khác nhau (kiểm tra, tuần tra, tiếp nhận tố giác, phản ánh, báo cáo, v.v...). Do hành vi vi phạm hành chính rất đa dạng, xảy ra trong nhiều hoàn cảnh và hình thức khác nhau, việc giải thích một cách cứng nhắc hoặc liệt kê cụ thể các tình huống “phát hiện” sẽ làm hạn chế phạm vi áp dụng, không bảo đảm tính linh hoạt, thích ứng với thực tiễn quản lý nhà nước. Tương tự như đối với thuật ngữ “*có tình trốn tránh, trì hoãn*”.

- Đối với kiến nghị làm rõ: “*Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn*”, “*đặc biệt nghiêm trọng*”... Những thuật ngữ nêu trên đều mang tính định tính. Tuy nhiên, các vụ việc vi phạm hành chính rất đa dạng, phức tạp, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Do vậy, việc đưa ra tiêu chí thống nhất chung để xác định như quy mô lớn, số lượng hàng hóa lớn, đặc biệt nghiêm trọng...) đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính trong mọi lĩnh vực quản lý nhà nước sẽ khó khả thi và khi áp dụng vào từng vụ việc cụ thể sẽ phát sinh những vướng mắc, bất cập. Hiện nay, một số Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực đã có quy định giải thích về tình tiết “đặc biệt nghiêm trọng”, ví dụ: Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP quy định: “*Vụ việc đặc biệt nghiêm trọng là vụ việc có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn hoặc hành vi trốn thuế liên tiếp từ ba kỳ tính thuế trở lên*”). Do vậy, căn cứ vào các hành vi vi phạm hành chính đã được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và từng hồ sơ, tài liệu, tình tiết của từng vụ việc cụ thể, người có thẩm quyền xử phạt sẽ tự xác định.

1.3. Theo quy định tại Điều 25, 26, 81 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt lập biên bản giữ/tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Mẫu biên bản số 08, 20 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP chỉ yêu cầu ghi thông tin và chữ ký của người có thẩm quyền lập biên bản. Tuy nhiên, thực tế việc giữ/tịch thu thường được thực hiện tại hiện trường hoặc nơi bảo quản, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và do người được giao tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt thực hiện; nếu yêu cầu người có thẩm quyền xử phạt trực tiếp lập biên bản sẽ gặp khó khăn, không khả thi và không cần thiết. Do đó, đề nghị hướng dẫn theo hướng người có thẩm quyền lập biên bản trong các trường hợp này là người được phân công/giao tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Tại khoản 1 Điều 81 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) quy định rõ: “*Biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến*”. Do đó, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Mẫu biên bản số 08 và 20 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP) không quy định, yêu cầu người có thẩm quyền xử phạt trực tiếp lập biên bản.

1.4. Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP: Mẫu quyết định số 02 yêu cầu ghi đầy đủ các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định xử phạt chuyên ngành. Tuy nhiên, trong thực tiễn, có một số vụ việc không thể áp dụng đầy đủ theo quy định này (ví dụ: tại thời điểm ban hành Quyết định xử phạt, tang vật vi phạm hành chính không còn, đối tượng vi phạm đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm gây ra,...). Do đó, việc ghi đầy đủ đối với các trường hợp này là chưa hợp lý.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Khoản 4 và khoản 6 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) quy định việc không áp dụng, áp dụng không đầy đủ các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả là một trong các hành vi bị nghiêm cấm, do đó, Mẫu quyết định số 02 yêu cầu phải ghi đầy đủ các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm. Trường hợp vụ việc thực tế không thể áp dụng đầy đủ theo quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền có thể thể hiện rõ trong các tài liệu khác của hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

2. Phản ánh, kiến nghị của Bộ Công thương

Bộ Công thương phản ánh, kiến nghị:

Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022); Khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021). Hành vi vi phạm cung cấp thông tin không chính xác, sai sự thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe và hành vi sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia đều được quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP nhưng có mức phạt tiền khác nhau. Phương án đề xuất: Chỉ quy định tại 01 Nghị định của Chính phủ.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, vì vậy, đề nghị chuyển Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với Bộ Y tế để đề xuất, tham mưu Chính phủ xử lý vấn đề nêu trên bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

3. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk

Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk phản ánh, kiến nghị:

Theo Điều 4 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 thì hệ thống văn bản ở địa phương gồm văn bản của HĐND, UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh; HĐND, UBND cấp xã (không còn văn bản của cấp huyện, trong khi Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định về thẩm quyền kiểm tra văn bản của cấp huyện, không quy định về thẩm quyền kiểm tra văn bản của cấp xã; không quy định đối tượng văn bản được kiểm tra là văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh; văn bản của HĐND, UBND cấp xã.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Vấn đề Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk nêu đã được xử lý tại Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Theo đó, đã bổ sung đối tượng văn bản được kiểm tra là văn bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; quy định trách nhiệm tự kiểm tra văn bản của cấp xã; đồng thời, không quy định những nội dung liên quan đến chính quyền địa phương cấp huyện.

Ngoài ra, thẩm quyền kiểm tra văn bản do cấp xã ban hành được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên

Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên phản ánh, kiến nghị:

Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

4.1. Chưa quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật hằng năm, cũng như chưa quy định về nội dung kế hoạch này. Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định việc ban hành Kế hoạch và nội dung Kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật để các cơ quan, địa phương thực hiện thống nhất, hiệu quả.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025), nội dung tổ chức thi hành văn bản QPPL không bao gồm kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật¹. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 59 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 cũng không quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, người có thẩm quyền trong việc ban hành kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hằng năm.

Hiện nay, để thực hiện công tác tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 80/2025/NĐ-CP) quy định có 02 loại kế hoạch, bao gồm: (i) Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP và (ii) Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP. Trong đó, Nghị định số 80/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể

¹ Theo khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

“a) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật;

d) Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật”.

trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương đối với việc xây dựng 02 kế hoạch nêu trên. Đối với nội dung của kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP đã có quy định cụ thể. Đối với kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở các căn cứ quy định tại Điều 12 của Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, các Bộ, ngành, địa phương lựa chọn lĩnh vực theo dõi, xây dựng và ban hành kế hoạch với các nội dung phù hợp.

4.2. Tại Điều 10 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP mới chỉ quy định về trách nhiệm thực hiện báo cáo; loại báo cáo; chưa quy định cụ thể về chế độ báo cáo (như thời gian chốt số liệu, thời hạn báo cáo...) được thực hiện như thế nào? Do đó, gây khó khăn cho cơ quan thực hiện báo cáo. Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể chế độ báo cáo, như thời gian chốt số liệu, thời hạn báo cáo... để bảo đảm rõ ràng...

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, thì phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Hiện nay, việc thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Vì vậy, đề nghị Quý Sở căn cứ quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP để thực hiện việc báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật.

5. Phản ánh, kiến nghị của Bộ Công an

Bộ Công an phản ánh, kiến nghị:

Điều 192, Điều 193, Điều 194, Điều 195 Bộ luật Hình sự; Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chưa có định nghĩa thống nhất về "hàng giả" trong văn bản Luật. Khi thực hiện xác định tội phạm không có định nghĩa trực tiếp về hàng giả tại Bộ luật Hình sự mà chỉ liệt kê các tội danh liên quan đến hàng giả. Cơ quan tiến hành tố tụng phải dẫn chiếu đến quy định về hàng giả tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Nhất trí nội dung phản ánh về việc hiện chưa có định nghĩa về “hàng giả” ở văn bản Luật. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đề nghị Bộ Công an phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác có liên

quan để nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự hoặc văn bản Luật có liên quan để quy định về khái niệm “hàng giả” bảo đảm thống nhất trong hệ thống pháp luật.

6. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh

Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa và Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh phản ánh, kiến nghị:

6.1. Tại điểm c khoản 1 Điều 37a Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025) quy định về người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quy định: “Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật bao gồm: c) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ và tương đương; Thủ trưởng Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương”. Tại khoản 2 có quy định “căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều này, Chính phủ quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh”. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh. Do đó, hiện nay không có căn cứ pháp luật để áp dụng việc Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định để áp dụng. Mặt khác, cũng tại điểm c có quy định: “Thủ trưởng Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương” có thẩm quyền xử phạt tuy nhiên chưa quy định rõ cụm từ “tương đương” ở đây được hiểu như thế nào? Bao gồm các chức danh nào để quá trình triển khai dễ áp dụng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37a Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025), ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (có hiệu lực thi hành từ ngày ký), trong đó, đã quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh, bao gồm cả các chức danh cụ thể là “*Thủ trưởng Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương*”. Đồng thời, ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1688/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó, giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi quản lý nhà nước có trách nhiệm rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, trình Chính phủ ban hành để phù hợp với Luật, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt của các chức danh tại các Nghị định này.

6.2. Điểm c, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 25/06/2025 quy định: “Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển kịp thời cho người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa”. Trong đó, thuật ngữ “kịp thời” còn mang tính chất định tính cao, thiếu giới hạn thời gian cụ thể nên việc xác định thế nào là kịp thời sẽ dựa trên cơ sở tùy nghi hành chính. Đề xuất sửa đổi điểm c khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 25/06/2025 như sau: “Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa”.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15, ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP) theo hướng quy định cụ thể và tăng thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính. Theo đó, việc chuyển biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác cho người có thẩm quyền để xử phạt được thực hiện trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản; trường hợp biên bản được lập tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi, hải đảo mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn chuyển không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản.

6.3. Thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường còn hạn chế (Đội trưởng

chưa có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền, đình chỉ hoạt động, áp dụng biện pháp buộc tái xuất, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam...) khiến nhiều vụ việc phải trình lên cơ quan có thẩm quyền, kéo dài thời gian xử lý. Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi, tăng thẩm quyền của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường phù hợp với thực tế, đặc biệt là trong việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (có hiệu lực thi hành từ ngày ký), trong đó, tại điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định này quy định Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có thẩm quyền áp dụng tất cả biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Đối với kiến nghị liên quan đến việc “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường chưa có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền, đình chỉ hoạt động”, trong quá trình xây dựng Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, Bộ Tư pháp không nhận được đề xuất của Bộ Công Thương cũng như Cục Quản lý thị trường liên quan đến việc bổ sung thẩm quyền “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn*” cho chức danh này. Bên cạnh đó, “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn*” là hình thức xử phạt nghiêm khắc, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do hành nghề, hoạt động hợp pháp của cá nhân, tổ chức, do đó cần được giao cho những chức danh có vị trí quản lý nhà nước ở cấp cao hơn, tránh tùy tiện trong áp dụng, vượt quá khả năng kiểm soát, không bảo đảm tính khả thi.

6.4. *Việc xác định hàng hóa vi phạm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật, gây lúng túng trong việc áp dụng (để xác định hàng hóa gây hại phải có ý kiến từ cơ quan chuyên môn mới đảm bảo tính chính xác, chặt chẽ). Do đó, có hướng dẫn cụ thể về việc xác định hàng hóa vi phạm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm (Ví dụ: Hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường bao gồm: hàng hóa quá hạn sử dụng ghi trên nhãn hàng hóa; thực phẩm, thuốc chữa bệnh, mỹ phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ...).*

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính đã giao Chính phủ quy định về việc *thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả* trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng với các lĩnh vực được quy định tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 06/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1688/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó, giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi quản lý nhà nước có trách nhiệm rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, trình Chính phủ ban hành để phù hợp với Luật. Trong quá trình góp ý, thẩm định các văn bản này, Bộ Tư pháp sẽ có ý kiến đối với vấn đề nêu trên.

7. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi

Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi phản ánh, kiến nghị:

Tại điểm l khoản 1 Điều 10 quy định “Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn” là tình tiết tăng nặng nhưng hiện nay chưa có hướng dẫn nào quy định về quy mô ở cấp độ nào hoặc giá trị hàng hóa từ bao nhiêu thì được coi là lớn để xác định tình tiết tăng nặng trong xử phạt VPHC, gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Bổ sung quy định hoặc có hướng dẫn cụ thể quy mô ở cấp độ nào hoặc giá trị hàng hóa từ bao nhiêu thì được coi là lớn để xác định tình tiết tăng nặng trong xử phạt VPHC. Quy định về “giá thị trường” để xác định giá trị tang vật, phương tiện VPHC để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt chưa cụ thể; tại điểm b khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý VPHC quy định một trong những căn cứ xác định giá trị tang vật phương tiện VPHC là “trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính”. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định cụ thể thế nào là “giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm”; bởi vì cùng một loại sản phẩm, hàng hóa tương tự với tang vật, phương tiện VPHC nhưng cơ sở sản xuất, kinh doanh, phân phối lại có các mức giá khác nhau, điều này khiến cho cơ quan chức năng lúng túng xác định giá trị tang vật, phương tiện VPHC. Đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể về giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm tại Điều 60 của Luật Xử lý VPHC để xác định giá trị tang vật VPHC để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền tịch thu và xử lý đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại điểm c khoản 1 Điều 66 (được sửa đổi bổ sung năm 2020) quy định: “Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính”, tuy nhiên pháp luật chưa có quy định về cách xác định vụ việc “đặc biệt nghiêm trọng”.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

- Về việc xác định vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn; đặc biệt nghiêm trọng:

Các vụ việc vi phạm hành chính rất đa dạng, phức tạp, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Do vậy, việc đưa ra tiêu chí thống nhất chung để xác định như quy mô lớn, số lượng hàng hóa lớn... đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính trong mọi lĩnh vực quản lý nhà nước sẽ không khả thi và khi áp dụng vào từng vụ việc cụ thể sẽ phát sinh những vướng mắc, bất cập. Hiện nay, một số Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực đã có quy định giải thích về tình tiết “đặc biệt nghiêm trọng”, ví dụ: Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP quy định: “*Vụ việc đặc biệt nghiêm trọng là vụ việc có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn hoặc hành vi trốn thuế liên tiếp từ ba kỳ tính thuế trở lên*”. Do vậy, căn cứ vào các hành vi vi phạm hành chính đã được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và từng hồ sơ, tài liệu, tình tiết của từng vụ việc cụ thể, người có thẩm quyền xử phạt sẽ xác định.

- Về việc đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể về giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính:

Khoản 4 Điều 4 Luật Giá năm 2023 quy định: *Giá thị trường là giá hàng hóa, dịch vụ được hình thành trên cơ sở cung, cầu và do các yếu tố thị trường quyết định trong một khoảng thời gian, không gian nhất định*. Khoản 15 Điều 4 Luật này cũng quy định: *Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định do doanh nghiệp thẩm định giá, hội đồng thẩm định giá thực hiện theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam*. Hiện nay, Bộ Tài chính cũng đã ban hành theo thẩm quyền các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam để bảo đảm đủ cơ sở xác định giá trị các loại tài sản.

Trong trường hợp không có thông báo giá của cơ quan tài chính địa phương, người có thẩm quyền trước hết dựa trên các căn cứ theo thứ tự ưu tiên tại các điểm c, d khoản 2 và khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) để xác định giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trường hợp không có các căn cứ trên thì Hội đồng định giá tiến hành khảo sát giá của một số/nhiều cơ sở kinh doanh tại địa phương để có

thể xác định giá trị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm. Hội đồng định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác trong trường hợp này.

8. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai phản ánh, kiến nghị:

8.1. Liệt kê các tình tiết giảm nhẹ và có những cách hiểu khác nhau như mỗi khoản là một tình tiết giảm nhẹ, mỗi nội dung sau dấu chấm “;” là 1 hành vi giảm nhẹ. Tuy nhiên cách hiểu này là không hợp lý đối với quy định tại khoản 5, một người có hành vi vi phạm không thể vừa là phụ nữ mang thai vừa là người già yếu. Hay nội dung của khoản 2, một cá nhân hoặc tổ chức vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi đồng thời tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính thì có được xác định là 2 tình tiết giảm nhẹ hay không. Hay trường hợp một cá nhân hoặc tổ chức vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi nhưng không tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính thì có được xác định là có tình tiết giảm nhẹ hay không.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trong xử lý vi phạm hành chính tại Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể. Có thể xác định theo hướng:

- Đối với tình tiết giảm nhẹ “*người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính*” (quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính): Tình tiết “*người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi*” được xác định là 01 tình tiết giảm nhẹ. Tình tiết “*tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính*” được xác định là 01 tình tiết giảm nhẹ.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ “*người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” (quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính), mỗi tình tiết sau đây được xem là 01 tình tiết giảm nhẹ: (i) Là phụ nữ mang thai; (ii) là người già yếu; (iii) là người có bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; (iv) là người khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Để bảo đảm rõ ràng, trong thời gian tới, khi Bộ Công an chủ trì sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Xử lý vi phạm hành chính, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến vấn đề này.

8.2. *Tương tự đối với quy định về tình tiết tăng nặng tại Điều 10 cũng gây ra những cách hiểu chưa thống nhất và khó khăn trong việc áp dụng thực tế.*

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trả lời tương tự như kiến nghị liên quan đến tình tiết giảm nhẹ tại mục 8.2 nêu trên.

8.3. *Điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định một trong các biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính không giải thích về “số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính” cụ thể là gì? Vì vậy dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn trong việc thi hành pháp Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trong khi một số Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các ngành, lĩnh vực có quy định về cách tính số lợi bất hợp pháp khi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể.*

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điều 37 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) đã có quy định cụ thể thế nào là số lợi bất hợp pháp: “*Cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại số lợi bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt; phải nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện đó đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện*”. Bên cạnh đó, điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) cũng giao Chính phủ quy định cụ thể việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Theo đó, hiện nay, một số Nghị định trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đã quy định cụ thể về số lợi bất hợp pháp và cách xác định, ví dụ: Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: *Số lợi bất hợp pháp là số lợi được tính thành tiền do tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có được từ việc sử dụng đất sau vi phạm và phải nộp vào ngân sách nhà nước.*

8.4. Khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020): Vi phạm hành chính là “hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”. Tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC) chưa có quy định cụ thể về yếu tố lỗi trong VPHC (lỗi cố ý, lỗi vô ý), đồng thời các khái niệm về mức độ của hành vi VPHC (không nghiêm trọng, ít nghiêm trọng, nghiêm trọng...) cũng chưa được quy định cụ thể. Trong khi đó, tại Điều 26 Luật XLVPHC lại quy định việc tịch thu tang vật, phương tiện VPHC được áp dụng đối với “vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức” khiến cho cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền xử phạt VPHC gặp khó khăn trong việc xác định hành vi VPHC vì không có cơ sở để xác định lỗi cố ý và mức độ nghiêm trọng của hành vi VPHC.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Các vụ việc vi phạm hành chính rất đa dạng, phức tạp, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Do vậy, việc đưa ra tiêu chí thống nhất chung để xác định lỗi cố ý, lỗi vô ý; mức độ của hành vi (không nghiêm trọng, ít nghiêm trọng, nghiêm trọng...) đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính trong mọi lĩnh vực quản lý nhà nước sẽ khó khả thi và khi áp dụng vào từng vụ việc cụ thể sẽ phát sinh những vướng mắc, bất cập. Do vậy, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cần căn cứ vào các hành vi vi phạm hành chính đã được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và từng hồ sơ, tài liệu, tình tiết của từng vụ việc cụ thể để tự xác định.

9. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai

Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai phản ánh, kiến nghị:

Tại khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 được sửa đổi bởi điểm a khoản 9 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25/6/2025 quy định: “Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển kịp thời cho người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa”. Thay vì trước đây quy định chuyển BBVPHC trong thời hạn 24 giờ gây nhiều khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện thì nay sửa thành “chuyển kịp thời”, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là “kịp thời”, dự liệu

thời gian tới khi thực tế áp dụng sẽ xảy ra tình trạng lạm dụng về mặt thời gian. Đề nghị bổ sung quy định về giải thích từ ngữ hoặc quy định rõ ràng về tính kịp thời là tối đa trong bao nhiêu ngày.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15, ngày 01/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP) theo hướng quy định cụ thể và tăng thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính. Theo đó, việc chuyển biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác cho người có thẩm quyền để xử phạt được thực hiện trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản; trường hợp biên bản được lập tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi, hải đảo mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn chuyển không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản.

10. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn

Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn phản ánh, kiến nghị:

Điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng”. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định về xử phạt đối với vi phạm hành chính nhiều lần hiện nay còn gặp khó khăn do một số nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể không có quy định vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng (ví dụ như Nghị định số 144/2021/NĐ-CP), khi phát hiện người vi phạm thực hiện hành vi vi phạm đến 10, 20 lần, ra quyết định xử phạt đối với từng hành vi như vậy mức phạt sẽ rất cao, một số trường hợp không đủ khả năng thi hành quyết định xử phạt.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) quy định: “Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi

phạm, trừ trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng". Do đó, trong trường hợp Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước không quy định về việc vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng thì hành vi vi phạm hành chính nhiều lần bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc “*Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh*” và “*Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng*” được quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Đối với nội dung phản ánh, kiến nghị “*Một số trường hợp không đủ khả năng thi hành quyết định xử phạt*” là khó khăn, vướng mắc trong khâu tổ chức thi hành pháp luật, không phải vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật.

11. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An

Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An phản ánh, kiến nghị:

Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Quy định trên chưa thể hiện rõ sau ngày 01/3/2027 có phải công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện hết hiệu lực không (theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP), nếu có thì chủ thể nào có thẩm quyền công bố danh mục này vì theo khoản 1 Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP thì chủ thể có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nhưng thời điểm đó thì Ủy ban nhân dân cấp huyện đã kết thúc việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL số 87/2025/QH15, văn bản QPPL do chính quyền địa phương cấp huyện “*tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi địa giới của đơn vị hành chính cấp huyện trước khi sắp xếp đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc văn bản của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước cấp trên có quy định khác*”. Do vậy, bằng quy định tại Điều 3 vừa nêu, văn bản QPPL do cấp huyện ban hành hết hiệu lực (đương nhiên) kể từ ngày 01/3/2027 (chỉ có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027) mà không phải công bố hết hiệu lực.

12. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên

Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên phản ánh, kiến nghị:

Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

12.1. Khoản 2 Điều 12 quy định: “2. Tự kiểm tra văn bản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 63 của Luật phải được thực hiện trong thời gian 45 ngày đối với văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trong thời gian 10 ngày đối với văn bản của chính quyền địa phương; trong thời gian 05 ngày làm việc đối với văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ký ban hành.”. Tuy nhiên, đối với kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP chưa quy định về thời gian kiểm tra, do đó không hợp lý, không thống nhất với công tác tự kiểm tra văn bản, dẫn đến tình trạng 01 văn bản đã ban hành từ những năm trước, trong một khoảng thời gian dài (03 năm, 05 năm) vẫn thống kê để tự kiểm tra (theo yêu cầu bộ ngành, theo chuyên đề).

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Một trong các điểm mới về kiểm tra, xử lý văn bản tại Luật Ban hành văn bản QPPL là quy định về căn cứ kiểm tra văn bản. Theo đó, một trong các căn cứ để thực hiện tự kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Ban hành văn bản QPPL là “văn bản QPPL được ban hành”. Do đó, để bảo đảm tính kịp thời, tăng cường trách nhiệm tự kiểm tra văn bản, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP đã quy định thời hạn kiểm tra văn bản đối với “văn bản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 63 của Luật” kể từ thời điểm văn bản được thông qua hoặc ký ban hành. Như vậy, việc quy định thời hạn nêu trên là phù hợp với tính chất của căn cứ tự kiểm tra văn bản.

Với các căn cứ kiểm tra văn bản theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Ban hành văn bản QPPL thì việc quy định thời hạn kiểm tra văn bản là không hợp lý. Không phù hợp với tính chất của hoạt động kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

12.2. Điều 13 quy định về hồ sơ kiểm tra văn bản, trong đó quy định đối với văn bản trái pháp luật thì xây dựng “Báo cáo kết quả tự kiểm tra” nhưng không quy định đối với văn bản sai sót về căn cứ ban hành, thể thức kỹ thuật trình bày và văn bản kiểm tra không có sai sót thì thực hiện dưới hình thức văn bản nào để thể hiện việc đã kiểm tra văn bản.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Về nguyên tắc, việc tự kiểm tra văn bản được thực hiện đầy đủ khi phát sinh căn cứ kiểm tra văn bản. Tuy nhiên, chỉ văn bản trái pháp luật mới cần xây dựng hồ sơ tự kiểm tra văn bản. Riêng báo cáo kết quả tự kiểm tra được thực

hiện đối với các văn bản đã được kiểm tra, không chỉ đối với văn bản trái pháp luật (khoản 3 Điều 12 Nghị định 79/2205/NĐ-CP); hình thức báo cáo đối với văn bản không trái pháp luật hoặc có sai sót có thể linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị.

12.3. Điều 26 quy định về thời hạn xử lý văn bản trái pháp luật là 30 ngày chưa phù hợp với thực tế thực hiện công tác này vì hiện nay quy trình xử lý những văn bản trái pháp luật cũng phải thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản QPPL.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4² Nghị định số 78/2025/NĐ-CP thì việc xử lý văn bản trái pháp luật được thực hiện bằng văn bản hành chính. Do đó, thời hạn 30 ngày là hợp lý và khả thi.

13. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau

Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau phản ánh, kiến nghị:

Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, đối với công tác tự kiểm tra: Việc quy định Ủy ban nhân dân phân công "cơ quan, người có trách nhiệm" giúp Ủy ban nhân dân tự kiểm tra văn bản là phân công đối tượng nào thực hiện. Đồng thời, còn quy định "Phòng Tư pháp".

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc quy định Ủy ban nhân dân phân công "cơ quan, người có trách nhiệm" giúp Ủy ban nhân dân tự kiểm tra văn bản là để tạo sự chủ động, linh hoạt cho Ủy ban nhân dân trong quá trình tổ chức tự kiểm tra văn bản do mình ban hành. Ủy ban nhân dân có thể phân công cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đã chủ trì tham mưu, trình ban hành văn bản hoặc phân công cho Sở Tư pháp... là do Ủy ban nhân dân quyết định.

Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung tên Điều 11 và khoản 2 Điều

² 3. Cơ quan, người có thẩm quyền có thể ban hành nghị quyết hoặc quyết định hành chính để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản trái pháp luật hoặc trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ban hành nghị quyết hoặc quyết định hành chính để đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền khác ban hành khi phát hiện văn bản trái pháp luật hoặc trong trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy.

11, trong đó đã xử lý vấn đề Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau đề cập liên quan đến Phòng Tư pháp.

14. Phản ánh, kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang phản ánh, kiến nghị:

14.1. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025): Yếu tố lỗi (lỗi cố ý, lỗi vô ý), mức độ của hành vi (không nghiêm trọng, ít nghiêm trọng, nghiêm trọng...) chưa được quy định rõ ràng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Các vụ việc vi phạm hành chính rất đa dạng, phức tạp, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Do vậy, việc đưa ra tiêu chí thống nhất chung để xác định lỗi cố ý, lỗi vô ý; mức độ của hành vi (không nghiêm trọng, ít nghiêm trọng, nghiêm trọng...) đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính trong mọi lĩnh vực quản lý nhà nước sẽ khó khả thi và khi áp dụng vào từng vụ việc cụ thể sẽ phát sinh những vướng mắc, bất cập. Do vậy, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cần căn cứ vào các hành vi vi phạm hành chính đã được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và từng hồ sơ, tài liệu, tình tiết của từng vụ việc cụ thể để tự xác định.

14.2. Khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) quy định: “Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản 2 Điều này làm căn cứ xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên...”. Khoản 5a Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được bổ sung tại Nghị định số 68/2025/NĐ-CP) quy định: “Đối với hành vi vi phạm hành chính có quy định áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với tính chất, đặc điểm của hành vi....”. Trong thực tế có trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản tự chế hoặc đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật thì việc xác định giá trị

gặp khó khăn do không tham khảo được giá thị trường, ngoài ra việc áp dụng luật không thống nhất giữa các đơn vị, địa phương.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Vướng mắc nêu tại kiến nghị là thực tế phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm hành chính khi tang vật, phương tiện vi phạm là tài sản tự chế hoặc đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái pháp luật dẫn đến việc xác định giá trị để làm căn cứ định khung phạt, thẩm quyền xử phạt, hoặc buộc nộp lại trị giá gặp khó khăn. Liên quan đến nội dung này, pháp luật hiện hành đã có quy định để xử lý như sau:

Khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) cho phép trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Trong các trường hợp này, Hội đồng định giá có trách nhiệm và chịu trách nhiệm về việc xác định trị giá tang vật, phương tiện vi phạm.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 5a Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP), trong trường hợp không có căn cứ định giá theo quy định thì việc định giá trong trường hợp này cũng được thực hiện theo quy định của khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về việc trả lời, công khai ý kiến chính thức đối với các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật để các cơ quan được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp);
- Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý (để đăng tải trên Cổng pháp luật quốc gia);
- Vụ Công tác xây dựng VBQPPL (để phối hợp);
- Lưu: VT, Cục KTVB&QLXLVPHC(3b).

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC KIỂM TRA
VĂN BẢN VÀ QUẢN LÝ XỬ LÝ
VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Hồ Quang Huy